

Số: 3043/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ  
Chính quyền số các cấp tỉnh Thừa Thiên Huế**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12 tháng 10 năm 2020 của  
Bộ Thông tin và Truyền thông Đề án “Xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi  
số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh thành phố  
trực thuộc trung ương”;*

*Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Ủy  
ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số tỉnh  
Thừa Thiên Huế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số  
2329/TTr-STTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ Chính quyền số các cấp tỉnh Thừa Thiên Huế (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định về Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ chính quyền điện tử các cấp tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục THH (Bộ TT&TT);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Bình**

## **QUY ĐỊNH**

### **Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá mức độ Chính quyền số các cấp tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:3043/QĐ-UBND ngày 22/11/2021  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng đánh giá, xếp hạng**

Quy định này quy định cách thức, tiêu chí và thang điểm đánh giá mức độ chính quyền số tại các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thị xã, thành phố Huế (gọi chung là cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Điều 2. Mục đích và yêu cầu**

##### **1. Mục đích**

Việc đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số nhằm hướng tới các mục đích sau:

a) Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) xây dựng Chính quyền số của các cơ quan, các địa phương;

b) Áp dụng và tổ chức đánh giá mức độ xây dựng Chính quyền số tại cấp tỉnh, cấp huyện; làm cơ sở chỉ đạo khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế, phát huy thế mạnh trong việc ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền số, nâng cao chất lượng quản lý, điều hành và phục vụ nhân dân;

c) Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về ứng dụng CNTT xây dựng Chính quyền số các cấp; xây dựng các cơ quan điển hình, cá nhân tiêu biểu trong việc ứng dụng CNTT. Góp phần cụ thể hóa mô hình Chính quyền số các cấp.

##### **2. Yêu cầu**

Việc đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số các cấp phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch, phản ánh đúng thực trạng, kết quả ứng dụng CNTT, mức độ xây dựng Chính quyền số của từng đơn vị, địa phương hàng năm.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Nội dung Bộ tiêu chí đánh giá**

Nội dung Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số các cấp bao gồm các hạng mục chính như sau:

- Chỉ số đánh giá về Chuyển đổi số nhận thức: gồm 08 điểm trong 03 Chỉ số thành phần.
- Chỉ số đánh giá về Kiến tạo thể chế: gồm 05 điểm trong 02 Chỉ số thành phần
- Chỉ số đánh giá về Hạ tầng và nền tảng số: gồm 10 điểm trong 05 Chỉ số thành phần.
- Chỉ số đánh giá về Nền tảng chính quyền số: gồm 52 điểm trong 05 Chỉ số thành phần.
- Chỉ số đánh giá về Dữ liệu số: gồm 05 điểm trong 03 Chỉ số thành phần.
- Chỉ số đánh giá về Hoạt động Chính quyền số: gồm 12 điểm trong 08 Chỉ số thành phần.
- Chỉ số đánh giá về An toàn, an ninh mạng: gồm 06 điểm trong 02 Chỉ số thành phần
- Chỉ số đánh giá về Đào tạo và phát triển nhân lực Chính quyền số: gồm 02 điểm trong 02 Chỉ số thành phần.

Chi tiết Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được quy định tại Phụ lục I và II kèm theo của Quy định này.

#### **Điều 4. Trình tự, thời gian thực hiện đánh giá, xếp hạng**

Trình tự thực hiện đánh giá, xếp hạng đối với các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện:

1. Đơn vị cấp tỉnh (các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh): báo cáo theo mẫu được quy định tại Phụ lục I kèm theo của Quy định này, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thẩm tra, xác minh số liệu.

2. Đơn vị cấp huyện (UBND cấp huyện): báo cáo theo mẫu được quy định tại Phụ lục II kèm theo của Quy định này, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thẩm tra, xác minh số liệu.

3. Kỳ hạn số liệu báo cáo là 01 năm, tính từ ngày 01 tháng 10 của năm trước năm báo cáo đến ngày 01 tháng 10 của năm báo cáo.

4. Thời hạn gửi báo cáo: Các đơn vị cấp tỉnh gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 20 tháng 10 hàng năm. Các đơn vị cấp huyện gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 10 tháng 11 hàng năm.

5. Hình thức báo cáo:

- Báo cáo bằng văn bản điện tử (qua phần mềm Quản lý văn bản) gửi về Sở Thông tin và Truyền thông. Báo cáo bằng văn bản phải có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị, số điện thoại cố định, di động, hộp thư điện tử của người lập biểu để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý dữ liệu.

## 6. Thực hiện đánh giá và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá mức độ chính quyền số cấp tỉnh, cấp huyện.

- Hội đồng đánh giá mức độ chính quyền số cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm, kiểm chứng, thẩm tra kết quả đánh giá, tổ chức điều tra xã hội học, xếp hạng mức độ chính quyền số cấp tỉnh, cấp huyện; tham mưu UBND tỉnh Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

- Sau khi có Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chính quyền số cấp tỉnh, cấp huyện, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tổ chức công bố kết quả đánh giá, xếp hạng hàng năm.

## **Điều 5. Phương pháp đánh giá, xếp hạng**

1. Việc đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số các cấp được thực hiện bằng phương pháp chấm điểm đối với các tiêu chí, quy định tại Điều 3 Bộ tiêu chí này. Điểm đánh giá sau đó sẽ được sử dụng để xếp hạng, công bố mức độ Chính quyền số các cấp.

2. Điểm số của mỗi tiêu chí căn cứ vào kết quả, mức độ thực hiện nhiệm vụ. Điểm tối đa của tiêu chí được tính trong trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ ở mức cao nhất.

3. Đối với các tiêu chí được UBND tỉnh chấp nhận bằng văn bản cho phép không thực hiện hoặc không có nội dung thực hiện theo quy định thì điểm số của các tiêu chí này được tính như sau:

Điểm số tiêu chí được phép không thực hiện hoặc không có nội dung thực hiện theo quy định =  $(\text{Tổng số điểm chấm các nhiệm vụ có thực hiện}) \times 100 / (\text{Tổng số điểm quy định tối đa các nhiệm vụ có thực hiện})$ .

## **Điều 6. Xếp hạng mức độ Chính quyền số các cấp**

Việc xếp hạng mức độ Chính quyền số các cấp được thực hiện căn cứ vào điểm số đánh giá của từng đơn vị và xếp hạng theo 04 mức độ: Mức I, Mức II, Mức III và Mức IV. Các địa phương đạt điểm dưới Mức IV thì không xếp hạng. Cụ thể:

- Mức 1: là đơn vị có tổng số điểm lớn hơn hoặc bằng 90 điểm.

- Mức 2: là đơn vị có tổng số điểm nhỏ hơn 90 điểm nhưng lớn hơn hoặc bằng 80 điểm.

- Mức 3: là đơn vị có tổng số điểm nhỏ hơn 80 điểm nhưng lớn hơn hoặc bằng 75 điểm.

- Mức 4: là đơn vị có tổng số điểm nhỏ hơn 75 điểm nhưng lớn hơn hoặc bằng 70 điểm.

- Những đơn vị có tổng số điểm dưới 70 điểm (mức điểm tối thiểu của mức IV) không xếp hạng.

1. Các mức I, II, III và IV đối với Chính quyền số cấp tỉnh được xác định như sau:

<b>TT</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Mức I</b> (Tỷ lệ * Điểm tối đa của điểm thành phần)	<b>Mức II</b> (Tỷ lệ * Điểm tối đa của điểm thành phần)	<b>Mức III</b> (Tỷ lệ * Điểm tối đa của điểm thành phần)	<b>Mức IV</b> (Tỷ lệ * Điểm tối đa của điểm thành phần)
	<b>Điểm số tối thiểu</b>	<b>90</b>	<b>80</b>	<b>75</b>	<b>70</b>
1	Chuyển đổi nhận thức số	90% x 8	80% x 8	75% x 8	70% x 8
2	Kiến tạo thể chế	90% x 5	80% x 5	75% x 5	70% x 5
3	Hạ tầng và nền tảng số	90% x 10	80% x 10	75% x 10	70% x 10
4	Nền tảng Chính quyền số	90% x 52	80% x 52	75% x 52	70% x 52
5	Dữ liệu số	90% x 5	80% x 5	75% x 5	70% x 5
6	Hoạt động Chính quyền số	90% x 12	80% x 12	75% x 12	70% x 12
7	An toàn an ninh mạng	90% x 6	80% x 6	75% x 6	70% x 6
8	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT	90% x 2	80% x 2	75% x 2	70% x 2

2. Các mức I, II, III và IV đối với Chính quyền số cấp huyện được xác định như sau:

<b>TT</b>	<b>Kết quả</b>	<b>Mức I</b> (Tỷ lệ * Điểm tối đa của điểm thành phần)	<b>Mức II</b> (Tỷ lệ * Điểm tối đa của điểm thành phần)	<b>Mức III</b> (Tỷ lệ * Điểm tối đa của điểm thành phần)	<b>Mức IV</b> (Tỷ lệ * Điểm tối đa của điểm thành phần)
	<b>Điểm số tối thiểu</b>	<b>90</b>	<b>80</b>	<b>75</b>	<b>70</b>
1	Chuyển đổi nhận thức số	90% x 8	80% x 8	75% x 8	70% x 8
2	Kiến tạo thể chế	90% x 5	80% x 5	75% x 5	70% x 5
3	Hạ tầng và nền tảng số	90% x 10	80% x 10	75% x 10	70% x 10
4	Nền tảng Chính quyền số	90% x 52	80% x 52	75% x 52	70% x 52
5	Dữ liệu số	90% x 5	80% x 5	75% x 5	70% x 5
6	Hoạt động Chính quyền số	90% x 12	80% x 12	75% x 12	70% x 12
7	An toàn an ninh mạng	90% x 6	80% x 6	75% x 6	70% x 6
8	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT	90% x 2	80% x 2	75% x 2	70% x 2

**Điều 7.** Thực hiện xếp hạng mức độ Chính quyền số các cấp theo 02 nhóm bao gồm:

1. Xếp hạng mức độ Chính quyền số cấp tỉnh;
2. Xếp hạng mức độ Chính quyền số cấp huyện;

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 8. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Trách nhiệm thực thi

- Chỉ đạo thực hiện khảo sát, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu báo cáo về mức độ Chính quyền số hàng năm.

- Phối hợp và tạo điều kiện để Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo.

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số của địa phương.

2. Kinh phí thực hiện

- Sở Tài chính bố trí kinh phí cho việc tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số cấp tỉnh, cấp huyện hàng năm, được dự toán chung vào kinh phí sự nghiệp của Sở Thông tin và Truyền thông.

**Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng năm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ đưa kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ địa phương số theo Bộ tiêu chí này vào nội dung xác định trách nhiệm trong thực thi công vụ của người đứng đầu và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm của các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết./.